

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu.

(Có Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian cử ra làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 đến ngày 07 tháng 01 năm 2026 (trừ các

trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hoặc các trường hợp đặc biệt khác). Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu được hưởng lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu; Giám đốc Công ty Điện lực Lai Châu và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có tên theo danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh: U;
- V: V2; HCC, QT, KS, CB;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lương

DANH SÁCH

**Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị
cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Đơn vị/Nhân sự	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Chức danh	Bộ phận công tác	Thâm niên công tác trong	Ghi chú
		Nam	Nữ					
A. Danh sách công chức, viên chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh cử đến làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh								
I	Sở Công Thương							
1	Vũ Thị Hải		1989	Đại học	Chuyên viên	Phòng Quản lý Thương mại	12 năm	Chính thức
2	Nguyễn Hữu Báu	1975		Đại học	Thanh tra viên	Thanh tra Sở	18 năm	Dự phòng
3	Đình Trung Hiếu	1974		Đại học	Chuyên viên	Phòng Quản lý Năng lượng	07 năm	Dự phòng
II	Sở Giáo dục và Đào tạo							
1	Trần Thị Phương		1969	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng	Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục	34 năm	Chính thức
2	Nguyễn Thị Hằng		1981	Đại học	Chuyên viên	Phòng Giáo dục Trung học - Thường xuyên và chuyên nghiệp	20 năm	Dự phòng
III	Sở Khoa học và Công nghệ							
1	Chu Thị Thu Thanh		1981	Đại học	Chuyên viên	Văn phòng Sở	19 năm	Chính thức
2	Trần Thị Diệu Thúy		1985	Đại học	Chuyên viên	Phòng Quản lý KH&CN	15 năm	Dự phòng
3	Phạm Đức Chinh	1983		Đại học	Chuyên viên	Trung tâm CNTT&TT	11 năm	Dự phòng

IV	Sở Nội vụ							
1	Lê Tùng Anh	1977		Đại học	Chuyên viên	Phòng Cải cách hành chính	21 năm	Chính thức
2	Nguyễn Thị Huyền		1979	Đại học	Chuyên viên	Phòng Thanh tra	20 năm	Dự phòng
V	Sở Nông nghiệp và Môi trường							
1	Vũ Thị Thu Hương		1980	Đại học	Chuyên viên	Văn phòng Sở	21 năm	Chính thức
2	Đào Thế An	1979		Đại học	Phó Giám đốc	Văn phòng Đăng ký đất đai	21 năm	Chính thức
3	Phạm Thuỳ Phương		1984	Đại học	Viên chức	Văn phòng Đăng ký đất đai	20 năm	Chính thức
4	Phan Thị Hà		1995	Đại học	Viên chức	Văn phòng Đăng ký đất đai	06 năm	Chính thức
5	Trần Thị Thu Tàn		1986	Đại học	Viên chức	Trung tâm Khuyến nông và Kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn	18 năm	Chính thức
6	Phạm Ngọc Tú	1985		Thạc sỹ	Phó Giám đốc	Văn phòng Đăng ký đất đai	18 năm	Dự phòng
	Nguyễn Thị Thúy		1982	Đại học	Viên chức	Văn phòng Đăng ký đất đai	18 năm	Dự phòng
8	Trần Thị Thu		1988	Đại học	Chuyên viên	Phòng Tổng hợp và Thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	14 năm	Dự phòng
VI	Sở Tài chính							
1	Phạm Hồng Khả	1970		Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh	32 năm 03 tháng	Chính thức
2	Phạm Thị Hương		1980	Đại học	Chuyên viên	Quản lý doanh nghiệp và Phòng Đăng ký kinh doanh	16 năm 07 tháng	Chính thức
3	Đặng Nam Thiện	1983		Đại học	Chuyên viên	Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh	13 năm 02 tháng	Dự phòng
VII	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch							

1	Lê Quang Minh	1968		Đại học	Phó trưởng phòng	Phòng Quản Văn hoá, Gia đình	36 năm	Chính thức
2	Bùi Văn Duy	1980		Đại học	Phó trưởng phòng	Phòng Quản lý Thể dục thể thao	20 năm	Dự phòng
VIII	Sở Xây dựng							
1	Lò Thị Lan		1992	Đại học	Thanh tra viên	Thanh tra Sở	05 năm 04 tháng	Chính thức
2	Nguyễn Văn Phương	1985		Đại học	Thanh tra viên	Thanh tra sở	18 năm 04 tháng	Dự phòng
IX	Sở Y Tế							
1	Nguyễn Thị Mai		1974	Đại học	Chuyên viên	Văn phòng Sở	21 năm	Chính thức
2	Nguyễn Thị Bích Hoàn		1984	BSCKI	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Y	16 năm	Dự phòng
3	Nguyễn Thị Nghiệp		1980	Đại học	Chuyên viên	Phòng Bảo trợ - Trẻ em và PC TNXH	20 năm	Dự phòng
B. Danh sách cán bộ, công chức các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn cử đến làm việc tại Trung tâm PVHCC								
X	Bảo hiểm xã hội tỉnh							
1	Lê Thị Tâm		1980	Đại học	Chuyên viên	Văn phòng	23 năm	Chính thức
2	Nguyễn Thị Nguyên		1986	Đại học	Chuyên viên	Văn phòng	18 năm	Dự phòng
XI	Công an tỉnh							
1	Trần Thế Long	1984		Đại học	Cán bộ	Phòng PC06	15 năm	Chính thức
2	Hoàng Thị Sơn		1992	Đại học	Cán bộ	Phòng PC06	14 năm	Chính thức

3	Lù Văn Chiến	1990		Đại học	Cán bộ	Phòng PV06	15 năm	Chính thức
4	Nguyễn Kiên	1982		Đại học	Cán bộ	Phòng PC06	13 năm	Dự phòng
5	Nguyễn Hữu Quyết	1992		Đại học	Cán bộ	Phòng PC06	14 năm	Dự phòng
6	Trần Trung Hiếu	1994		Đại học	Cán bộ	Phòng PV06	13 năm	Dự phòng
7	Phạm Thị Trang		1992	Đại học	Cán bộ	Phòng PV06	11 năm	Dự phòng
XII	Chi cục Thuế khu vực IX							
1	Vũ Ngọc Anh	1975		Đại học	Công chức	Đội Thuế liên huyện thành phố Lai Châu - Tam Đường	19 năm	Chính thức
2	Đặng Thanh Trúc		1999	Đại học	Công chức	Đội Thuế liên huyện thành phố Lai Châu - Tam Đường	03 năm	Dự phòng
C. Danh sách người lao động của 02 Công ty cử đến làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh								
XIII	Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu							
1	Lý Thị Chậm		1971	Đại học	Nhân viên	Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng	10 năm	Chính thức
2	Nguyễn Thị Thu		1985	Cao đẳng	Nhân viên	Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng	14 năm	Dự phòng
XIV	Công ty Điện lực Lai Châu							
1	Như Quỳnh Nga		1989	Đại học	Nhân viên	Ban QLDA	05 năm	Chính thức
2	Vương Thị Nguyên		1971	Đại học	Phó trưởng phòng	Phòng Kinh doanh	19 năm	Dự phòng

D. Danh sách công chức thực hiện nhiệm vụ Giám sát được cử đến làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh								
I	Thanh tra tỉnh							
1	Lê Tiến Dũng	1979		Thạc sĩ	Phó trưởng phòng	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng	17 năm	Chính thức
II	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh							
1	Ngô Thị Thu Hiền		1985	Đại học	Chuyên viên	Ban Phong trào	15 năm	Chính thức